

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN EUROCAPITAL

**Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính
tại ngày 31 tháng 12 năm 2018
đã được kiểm toán**

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	02 - 03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04 – 05
BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH	06 - 13

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán EUROCAPITAL (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2018 đã được Hội đồng quản trị công ty phê duyệt.

Khái quát

Công ty Cổ phần Chứng khoán EUROCAPITAL được thành lập và hoạt động theo Giấy phép số 80/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 25 tháng 01 năm 2008. Trong quá trình hoạt động Công ty đã nhận được các quyết định bổ sung, điều chỉnh như sau:

- Quyết định số 834/QĐ-SGDHN của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ngày 11 tháng 12 năm 2015 về việc chấm dứt tư cách thành viên;
- Quyết định số 569/QĐ-SGDHCM của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ngày 16 tháng 12 năm 2015 về việc chấm dứt tư cách thành viên;
- Giấy phép điều chỉnh số 19/GPĐC-UBCK của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 15/05/2013 về việc thay đổi người đại trụ sở chính Công ty;
- Giấy phép điều chỉnh số 34/GPĐC-UBCK của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 07/08/2013 về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật Công ty;
- Giấy phép điều chỉnh số 51/GPĐC-UBCK của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 06/11/2015 về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật Công ty;
- Giấy phép điều chỉnh số 02/GPĐC-UBCK của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 22/01/2016 về việc thay đổi trụ sở chính Công ty;
- Giấy phép điều chỉnh số 60/GPĐC-UBCK của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 26/12/2017 về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật Công ty;
- Giấy phép điều chỉnh số 29/GPĐC-UBCK của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 16/04/2018 về việc thay đổi vốn điều lệ Công ty;
- Giấy phép điều chỉnh số 106/GPĐC-UBCK của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 19/12/2018 về việc thay đổi trụ sở chính Công ty

Hoạt động kinh doanh của Công ty là: Môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán, tư vấn tài chính.

Vốn điều lệ: 200.000.000.000 đồng (Hai trăm tỷ đồng).

Trụ sở chính của Công ty đặt tại Tầng 5, Tòa nhà Mặt trời Sông Hồng, Số 23 Phan Chu Trinh, Phường Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố. Hà Nội

Các sự kiện sau ngày khóa sổ kế toán lập báo cáo tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính

Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát trong năm và đến ngày lập báo cáo này:

Hội đồng Quản trị

Bà Hà Thị Trang
Ông Hồ Việt Anh
Ông Nguyễn Ngọc Linh

Chủ tịch
Thành viên
Thành viên

2138
CÔNG
NHÌM
VỤ T
ÍNH F
KIỂM
AM VI
TP. H

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Ngô Trung Dũng
Ông Nguyễn Thành Sơn

Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc

Từ 15/02/2019
Đến 14/02/2019

Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Mỹ Trang
Bà Trần Thị My
Bà Lâm Thị Tuyết Ngân

Trưởng ban
Thành viên
Thành viên

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Hà Thị Trang

Chủ tịch HĐQT

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho Công ty.

Công bố trách nhiệm của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc đối với báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tỷ lệ an toàn vốn khả dụng của Công ty và được Hội đồng Quản trị phê duyệt. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Thực hiện các phán đoán và ước tính một cách thận trọng khi tính các chỉ tiêu của Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính;
- Lập báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính dựa trên cơ sở hoạt động liên tục, trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính và Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính được lập tuân thủ Thông tư số 87/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2017 của Bộ Tài chính về việc quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính.

Thay mặt Hội đồng quản trị

Hà Thị Trang
Chủ tịch

Hà Nội, ngày 16 tháng 03 năm 2019

Số: 78 /BCKT/TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Chứng khoán EuroCapital

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán EuroCapital (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 16 tháng 03 năm 2019, từ trang 07 đến trang 13, Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính kèm theo được lập theo quy định tại Thông tư số 87/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2017 của Bộ Tài chính về việc quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc công ty

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán EuroCapital chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn và đã được Hội đồng quản trị công ty phê duyệt.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 800 và các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam hiện hành khác. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán EuroCapital tại ngày 31/12/2018, phù hợp với quy định của Thông tư số 87/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2017 của Bộ Tài chính về việc quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31/12/2017 của Công ty đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác. Báo cáo kiểm toán lập ngày 08/03/2018 đã đưa ra ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần.

**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN)**

Phó Giám đốc



Cao Thị Hồng Nga

Số giấy CNDKHN Kiểm toán: 0613-2018-152-1

Kiểm toán viên

Lê Hồng Đào

Số giấy CNDKIIN Kiểm toán: 1732-2018-152-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 03 năm 2019

Hà Nội, ngày 16 tháng 03 năm 2019

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại thời điểm: 31/12/2018

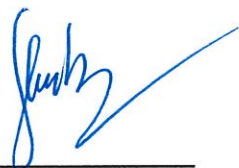
Chúng tôi cam đoan rằng:

(1) Báo cáo được xây dựng trên cơ sở số liệu được cập nhật tại ngày lập báo cáo theo đúng quy định tại Thông tư số 87/2017/TT-BTC ngày 15/8/2017 của Bộ Tài chính quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chỉ tiêu an toàn tài chính;

(2) Đối với những vấn đề có thể ảnh hưởng đến tình hình tài chính của Công ty phát sinh sau ngày lập báo cáo này, chúng tôi cập nhật trong kỳ báo cáo tiếp theo;

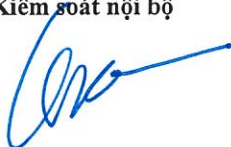
(3) Chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và trung thực của nội dung báo cáo.

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Huyền

Trưởng bộ phận
Kiểm soát nội bộ



Lê Văn Hiều



Chủ tịch HĐQT



Hà Thị Trang

I. BẢNG TÍNH VỐN KHẢ DỤNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

STT	NỘI DUNG	Vốn khả dụng		
		Vốn khả dụng	Khoản giảm trừ	Khoản tăng thêm
		(1)	(2)	(3)
A	Vốn chủ sở hữu			
1	Vốn góp của chủ sở hữu không bao gồm cổ phần ưu đãi hoàn lại (nếu có)	200.000.000.000		
2	Thặng dư vốn cổ phần không bao gồm cổ phần ưu đãi hoàn lại (nếu có)	-		
3	Cổ phiếu quỹ	-		
4	Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu - Cấu phần vốn	-		
5	Vốn khác của chủ sở hữu	-		
6	Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý	-		
7	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	-		
8	Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	165.792.343		
9	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	1.050.433.903		
10	Lợi nhuận chưa phân phối	(49.189.813.251)		
11	Số dư dự phòng suy giảm giá trị tài sản	-		
12	Chênh lệch đánh giá lại tài sản cố định	-		
13	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-		
14	Các khoản nợ có thể chuyển đổi			-
15	Toàn bộ phần giảm đi hoặc tăng thêm của các chứng khoán tại chi tiêu đầu tư tài chính		2.421.632	-
16	Vốn khác (nếu có)	-		
1A	Tổng	152.026.412.995	2.421.632	-
B	Tài sản ngắn hạn			
I	Tài sản tài chính	-	-	-
1	Tiền và các khoản tương đương tiền.			
2	Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)			
	- Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường			
	- Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng		-	
3	Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)			
	- Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường			
	- Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng		-	
4	Các khoản cho vay			
5	Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)			
	- Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường			
	- Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng		-	
6	Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp			

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN EUROCAPITAL

Tầng 5, Tòa nhà Mặt trời Sông Hồng, 23 Phan Chu Trinh, P.Phan Chu Trinh, Q.Hoàn Kiếm, Hà Nội

7	Các khoản phải thu (Phải thu bán các tài sản tài chính; Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi từ các tài sản tài chính)			
	- Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	- Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày		-	
8	Chứng quyền có bảo đảm chưa phát hành hết			
9	Chứng khoán cơ sở phục vụ mục đích phòng ngừa rủi ro khi phát hành chứng quyền có bảo đảm		-	
10	Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp			
	- Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	- Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày		-	
11	Phải thu nội bộ			
	- Phải thu nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	- Phải thu nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày		-	
12	Phải thu về lỗi giao dịch chứng khoán			
	- Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	- Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày		-	
13	Các khoản phải thu khác			
	- Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	- Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày		-	
14	Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu			
II	Tài sản ngắn hạn khác	-	185.788.866	-
1	Tạm ứng			
	- Tạm ứng có thời hạn hoàn ứng còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	- Tạm ứng có thời hạn hoàn ứng còn lại trên 90 ngày		-	
2	Vật tư văn phòng, công cụ dụng cụ		-	
3	Chi phí trả trước ngắn hạn		104.125.915	
4	Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn			
5	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		81.662.951	
6	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		-	
7	Tài sản ngắn hạn khác		-	
8	Dự phòng suy giảm giá trị tài sản ngắn hạn khác			
1B	Tổng		185.788.866	
C	Tài sản dài hạn.			
I	Tài sản tài chính dài hạn	-	-	-
1	Các khoản phải thu dài hạn		-	
2	Các khoản đầu tư			

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN EUROCAPITAL

Tầng 5, Tòa nhà Mặt trời Sông Hồng, 23 Phan Chu Trinh, P.Phan Chu Trinh, Q.Hoàn Kiếm, Hà Nội

2.1	Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn			
	- Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường			
	- Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng		-	
2.2	Đầu tư vào công ty con		-	
2.3	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		-	
2.4	Đầu tư dài hạn khác		-	
II	Tài sản cố định		4.730.347.517	
III	Bất động sản đầu tư		-	
IV	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		5.718.300.000	
V	Tài sản dài hạn khác			
1	Cầm cổ, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn		-	
2	Chi phí trả trước dài hạn		1.986.514.391	
3	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		-	
4	Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán		-	
5	Tài sản dài hạn khác		-	
VI	Dự phòng suy giảm giá trị tài sản dài hạn			
	Các chỉ tiêu tài sản bị coi là khoản ngoại trừ, có ý kiến trái ngược hoặc từ chối đưa ra ý kiến tại báo cáo tài chính đã được kiểm toán, soát xét mà không bị tính giảm trừ theo quy định tại Điều 5		-	
1C	Tổng	-	12.435.161.908	-
D	Tài khoản ký quỹ đảm bảo			
1	Giá trị ký quỹ			
1.1	Giá trị đóng góp vào quỹ hỗ trợ thanh toán của Trung tâm Lưu ký chứng khoán (đối với thị trường chứng khoán phái sinh)		-	
1.2	Giá trị đóng góp vào quỹ bù trừ của đối tác thanh toán trung tâm đối với vị thế mở của chính thành viên bù trừ (đối với thị trường chứng khoán phái sinh)		-	
1.3	Khoản ký quỹ bằng tiền và giá trị bảo lãnh thanh toán của ngân hàng khi phát hành chứng quyền có bảo đảm		-	
2	Giá trị tài sản bảo đảm cho các nghĩa vụ phải trả có thời hạn còn lại trên 90 ngày		-	
1D	Tổng	-	-	-
VỐN KHẢ DỤNG = 1A - 1B - 1C-1D				139.403.040.589

II. BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

A. RỦI RO THỊ TRƯỜNG			Đơn vị tính: VND
Các hạng mục đầu tư	Hệ số rủi ro	Quy mô rủi ro	Giá trị rủi ro
	(1)	(2)	(3) = (1) x (2)
I. Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ			-
1 Tiền (VND)	0%	141.772.865.053	-
2 Các khoản tương đương tiền	0%	-	-
3 Giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng trên thị trường tiền tệ, chứng chỉ tiền gửi.	0%	-	-
II. Trái phiếu Chính phủ			-
4 Trái phiếu Chính phủ không trả lãi.	0%	-	-
5 Trái phiếu Chính phủ trả lãi suất cố định.	-	-	-
5.1 Trái phiếu Chính phủ, trái phiếu Chính phủ các nước thuộc khối OECD hoặc được bảo lãnh bởi Chính phủ hoặc ngân hàng Trung ương của các nước thuộc khối này, Trái phiếu được phát hành bởi các tổ chức quốc tế IBRD, ADB, IADB, AfDB, EIB và EBRD.	3%	-	-
III. Trái phiếu doanh nghiệp			-
6	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	8%	-
	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại từ 1 năm đến dưới 3 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	10%	-
	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại từ 3 năm đến dưới 5 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	15%	-
	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn từ 5 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi.	20%	-
	Trái phiếu không niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi.	25%	-
7	Trái phiếu không niêm yết có thời gian đáo hạn từ 1 tới 5 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi.	30%	-
	Trái phiếu không niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại từ 3 năm đến dưới 5 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	35%	-
	Trái phiếu không niêm yết có thời gian đáo hạn từ 5 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi.	40%	-
IV. Cổ phiếu			205.310
8	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các tổ chức niêm yết tại Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh; chứng chỉ quỹ mở	10%	41.900
9	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các tổ chức niêm yết tại Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội	15%	-
10	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi các công ty đại chúng chưa niêm yết, đăng ký giao dịch qua hệ thống UpCom	20%	434.100
11	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các công ty đại chúng đã đăng ký lưu ký, nhưng chưa niêm yết hoặc đăng ký giao dịch; cổ phiếu đang trong đợt phát hành lần đầu (IPO)	30%	0

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN EUROCAPITAL

Tầng 5, Tòa nhà Mặt trời Sông Hồng, 23 Phan Chu Trinh, P. Phan Chu Trinh, Q. Hoàn Kiếm, Hà Nội

12	Cổ phiếu của các Công ty đại chúng khác.	50%	228.600	114.300
V. Chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán.				-
13	Quỹ đại chúng, bao gồm cả công ty đầu tư chứng khoán đại chúng	10%		-
14	Quỹ thành viên, công ty đầu tư chứng khoán riêng lẻ	30%		-
VI. Chứng khoán bị hạn chế giao dịch.				-
15	Chứng khoán bị tạm ngừng giao dịch	40%		-
16	Chứng khoán bị hủy niêm yết, hủy giao dịch	50%		-
VII. Chứng khoán phái sinh				-
17	Hợp đồng tương lai chỉ số cổ phiếu	8%		-
18	Hợp đồng tương lai trái phiếu chính phủ	3%		-
VIII. Chứng khoán khác.				-
19	Cổ phần, phần vốn góp và các loại chứng khoán khác	80%	-	-
20	Cổ phiếu niêm yết trên các thị trường nước ngoài thuộc chỉ số đạt chuẩn	25%	-	-
21	Cổ phiếu niêm yết trên các thị trường nước ngoài không thuộc các chỉ số đạt chuẩn	100%	-	-
22	Chứng quyền có bảo đảm niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh	8%	-	-
23	Chứng quyền có bảo đảm niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội	10%	-	-
24	Chứng quyền có bảo đảm do công ty chứng khoán phát hành			
	Cách tính: Giá trị rủi ro = $(P_o \times Q_o \times k - P_1 \times Q_1) \times R - MD$			
25	Chứng khoán hình thành từ hoạt động phòng ngừa rủi ro cho chứng quyền có bảo đảm do công ty chứng khoán đã phát hành (trường hợp chứng quyền có bảo đảm không có lãi)			
26	Phần chênh lệch giữa giá trị chứng khoán cơ sở dùng để phòng ngừa rủi ro và giá trị chứng khoán cơ sở cần thiết để phòng ngừa rủi ro cho chứng quyền có bảo đảm			
IX. Rủi ro tăng thêm (nếu có) (được xác định trên cơ sở vốn chủ sở hữu đã trích lập đầy đủ các khoản dự phòng)				-
	Mã chứng khoán.	Mức tăng thêm	Quy mô rủi ro	Giá trị rủi ro
1			-	-
2			-	-
3			-	-
				-
TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO THỊ TRƯỜNG (I+II+III+IV+V+VI+VII+VIII+IX)				205.310

5521
CỘNG HÒA
XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM
TP.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN EUROCAPITAL

Tầng 5, Tòa nhà Mặt trời Sông Hồng, 23 Phan Chu Trinh, P.Phan Chu Trinh, Q.Hoàn Kiếm, Hà Nội

B. GIÁ TRỊ RỦI RO THANH TOÁN		<i>Đơn vị tính: VND</i>
		Giá trị rủi ro
Rủi ro trước thời hạn thanh toán		163.168.659
Rủi ro quá thời hạn thanh toán		-
Rủi ro tăng thêm		-
Tổng giá trị rủi ro thanh toán		163.168.659

1. Rủi ro trước thời hạn thanh toán

Hệ số rủi ro (%)		Giá trị rủi ro (VND)						Tổng giá trị rủi ro
		0%	0,8%	3,2%	4,8%	6%	8%	
Loại hình giao dịch		(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	
1	Tiền gửi có kỳ hạn, các khoản tiền cho vay không có tài sản bảo đảm, các khoản phải thu từ hoạt động giao dịch và nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán và các khoản mục tiềm ẩn rủi ro thanh toán khác	-				-	163.168.659	163.168.659
2	Cho vay tài sản tài chính/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất						-	-
3	Vay tài sản tài chính/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất							-
4	Hợp đồng mua tài sản tài chính có cam kết bán lại/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất							-
5	Hợp đồng bán tài sản tài chính có cam kết mua lại/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất							-
TỔNG RỦI RO TRƯỚC THỜI HẠN THANH TOÁN								163.168.659

2. Rủi ro quá thời hạn thanh toán

	Thời gian quá hạn	Hệ số rủi ro	Quy mô rủi ro	Giá trị rủi ro
1	Từ 0 đến 15 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	16%	-	-
2	Từ 16 đến 30 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	32%	-	-
3	Từ 31 đến 60 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	48%	-	-
4	Từ sau 60 ngày trở đi	100%	-	-
TỔNG RỦI RO QUÁ THỜI HẠN THANH TOÁN				-

 84-C.
 TY
 HỮU HẠN
 TƯ VẤN
 TẾ TOÁN
 VIỆT
 CHỈ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN EUROCAPITAL

Tầng 5, Tòa nhà Mặt trời Sông Hồng, 23 Phan Chu Trinh, P. Phan Chu Trinh, Q. Hoàn Kiếm, Hà Nội

3. Rủi ro tăng thêm

TT	Chi tiết tới từng đối tác	Hệ số rủi ro (%)	Quy mô rủi ro	Giá trị rủi ro
1			-	-
2			-	-
TỔNG RỦI RO TĂNG THÊM				-

C. GIÁ TRỊ RỦI RO HOẠT ĐỘNG

Đơn vị tính: VND

I.	Tổng chi phí hoạt động phát sinh trong vòng 12 tháng tính tới tháng 12/2018	6.892.852.430
II.	Các khoản giảm trừ khỏi tổng chi phí	32.584.109
III.	Tổng chi phí sau khi giảm trừ (III = I - II).	6.860.268.321
IV.	25% Tổng chi phí sau khi giảm trừ (IV = 25% III)	1.715.067.080
V.	20% Vốn pháp định của công ty chứng khoán	17.000.000.000
TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO HOẠT ĐỘNG (Max {IV, V})		17.000.000.000

Các khoản giảm trừ khỏi tổng chi phí

TT	Danh mục chi phí	Giá trị (VND)
1	Chi phí khấu hao	32.269.509
2	Chi phí/Hoàn nhập dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp	314.600
3	Chi phí/Hoàn nhập dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính dài hạn	-
4	Chi phí/Hoàn nhập dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	-
5	Chi phí/Hoàn nhập dự phòng suy giảm giá trị tài sản ngắn hạn khác	-
6	Chi phí/Hoàn nhập dự phòng suy giảm giá trị tài sản dài hạn	-
TỔNG CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ KHỎI TỔNG CHI PHÍ		32.584.109

III. BẢNG TỔNG HỢP CÁC CHỈ TIÊU RỦI RO VÀ VỐN KHẢ DỤNG

TT	Các chỉ tiêu	Giá trị rủi ro/ vốn khả dụng	Ghi chú
1	Tổng giá trị rủi ro thị trường	205.310	
2	Tổng giá trị rủi ro thanh toán	163.168.659	
3	Tổng giá trị rủi ro hoạt động	17.000.000.000	
4	Tổng giá trị rủi ro (4=1+2+3)	17.163.373.969	
5	Vốn khả dụng	139.403.040.589	
6	Tỷ lệ vốn khả dụng (6=5/4)	812,21%	

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Huyền

Trưởng bộ phận Kiểm soát nội bộ

Lê Văn Hiền



Hà Thị Trang